TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2019
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Hoàng Thị Hoài Phong
Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Võ Đại Minh-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thy-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bạch Thị T, sinh năm 1990, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Tạ S, sinh năm 1978, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 12, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-3-2019, đơn khởi kiện bổ sung 22-3-2019, bản tự khai ngày 25-6-2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Bạch Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tạ S tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 17-8-2012. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông S sống bê tha, đam mê cờ bạc, uống rượu, không lo làm ăn, ông S còn bảo bà đưa tiền, không đưa ông S đánh, hành hạ bà, cầm dao đòi giết bà. Bà khuyên giải nhưng ông S không nghe. Nay bà không còn tình cảm với ông S nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tạ S.

Về con chung: Bà và ông Tạ S có 03 con chung là Tạ Hồng A, sinh ngày 09-5-2013, Tạ Minh T, sinh ngày 20-10-2015 hiện nay 02 cháu A và cháu T đang ở với ông S, còn cháu Tạ Minh H, sinh ngày 11-6-2018 hiện nay đang ở với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu giao 02 cháu A và cháu T cho ông S chăm sóc, nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi mỗi cháu A, cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng, hai cháu A và T bà cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng

tính từ tháng 07/2019 cho đến khi 02 cháu A và T đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu, bà yêu cầu giao 02 cháu A và cháu T cho ông S chăm sóc, nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Còn cháu H giao cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà làm nghề buôn bán trái cây thu nhập một tháng 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Tạ S không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 97, Điều 196, Điều 203, Điều 208, Điều 211, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị T. Bà Bạch Thị T ly hôn ông Tạ S. Về con chung: Bà Bạch Thị T và ông Tạ S có 03 con chung là Tạ Hồng A, sinh ngày 09-5-2013, Tạ Minh T, sinh ngày 20-10-2015 hiện nay 02 cháu A và cháu T đang ở với ông S, còn cháu Tạ Minh H, sinh ngày 11-6-2018 hiện nay đang ở với bà. Khi ly hôn giao 02 cháu A và cháu T cho ông S chăm sóc, nuôi dưỡng, bà T cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Còn cháu H giao cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Tạ S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bạch Thị T và ông Tạ S tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 17-8-2012 là hợp pháp. Bà T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông S sống bê tha, đam mê cờ bạc, uống rượu, không lo làm ăn, ông S còn bảo bà T đưa tiền, không đưa ông S đánh, hành hạ, cầm dao đòi giết bà T, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Tạ S. Bị đơn ông Tạ S không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày, cho thấy ông Tạ S không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra các chứng cứ và chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, lý do xin ly hôn của bà T chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa

bà T và ông S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, bà Bạch Thị T được ly hôn với ông Tạ S.

[3] Về con chung: Bà T và ông S có 03 con chung là Tạ Hồng A, sinh ngày 09-5-2013, Tạ Minh T, sinh ngày 20-10-2015 hiện nay 02 cháu A và cháu T đang ở với ông S, còn cháu Tạ Minh H, sinh ngày 11-6-2018 hiện nay đang ở với bà T. Cháu A, cháu T, cháu H sức khỏe vẫn tốt. Bà T làm nghề buôn bán trái cây thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi cháu H, còn ông S làm nghề buôn bán cà phê cũng có thu nhập, đảm bảo điều kiện để nuôi cháu A, cháu T. Khi ly hôn bà T cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Còn cháu H giao cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Với những nhận định trên phù hợp với ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Bạch Thị Thảo ly hôn với ông Tạ Sơn.

2/ Về con chung: Bà Bạch Thị T và ông Tạ S có 03 con chung là Tạ Hồng A, sinh ngày 09-5-2013, Tạ Minh T, sinh ngày 20-10-2015 hiện nay 02 cháu A và cháu T đang ở với ông S, còn cháu Tạ Minh H hiện nay đang ở với bà T. Giao cháu Tạ Hồng A, Tạ Minh T cho ông Tạ S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, còn cháu Tạ Minh H giao cho bà Bạch Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Bạch Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Tạ Minh T mỗi tháng 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2019 cho đến khi cháu Tạ Minh T đủ 18 tuổi. Ông Tạ S không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Bạch Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0001194 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, bà Bạch Thị T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Bạch Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Tạ S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND P. Nghĩa Lộ, TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng